

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
(đã được soát xét)*



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-35
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-35

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 05 tháng 05 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Bá	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2022
Ông Nguyễn Văn Phương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2022
Ông Phạm Bá Ngân	Ủy viên	
Ông Hoàng Việt	Ủy viên	
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2022
Ông Trần Tuấn Hải	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/05/2022
Ông Nguyễn Văn Phương	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04/05/2022
Ông Tạ Khả Duy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Hồng Hải	Trưởng ban	
Ông Trịnh Thanh Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2022
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên	
Bà Trần Thu Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Hưng
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 20 tháng 07 năm 2022

Số: 120822.001/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ được lập ngày 20 tháng 07 năm 2022, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như Công ty đã trình bày tại thuyết minh số 10 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, "Dự án Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I" được triển khai từ năm 2002 với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu là 230,3 tỷ đồng; "Dự án Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II" được triển khai từ năm 2009 với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu là 829,8 tỷ đồng. Việc đầu tư 02 dự án đã kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu và hiện vẫn chưa hoàn thành. Tổng chi phí đầu tư của dự án Giai đoạn I và Giai đoạn II tính đến thời điểm 30/06/2022 lần lượt là 59,4 tỷ đồng và 14,5 tỷ đồng. Công ty đang chờ hoàn tất thủ tục pháp lý và huy động vốn để tiếp tục triển khai đầu tư khi có điều kiện.

Như Công ty đã trình bày tại thuyết minh số 01 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, tính đến thời điểm 30/06/2022, vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 284,8 tỷ VND, tuy nhiên vốn thực góp chỉ có 275,3 tỷ VND. Vào ngày 04/11/2021, Công ty đã gửi công văn số 490/CCT-TCNS tới Bộ Tài chính về việc hướng dẫn điều chỉnh giảm vốn điều lệ của Doanh nghiệp. Theo công văn số 14966/BTC-TCDN về việc hướng dẫn điều chỉnh giảm vốn điều lệ của doanh nghiệp ngày 29/12/2021, Bộ Tài chính có yêu cầu Cảng Cần Thơ và phía Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tổ chức kiểm tra làm rõ, xác định nguyên nhân và tiến hành rà soát, xác định lại việc chậm quyết toán, qua đó, phía Cảng Cần Thơ và Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam vẫn đang trong quá trình làm việc nên chưa đưa ra biện pháp xử lý vấn đề này.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kết luận chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên *SM*

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		80.866.903.620	77.935.617.537
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	22.982.548.756	27.840.121.984
111	1. Tiền		11.098.970.581	11.546.739.335
112	2. Các khoản tương đương tiền		11.883.578.175	16.293.382.649
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	12.987.350.000	10.537.350.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		12.987.350.000	10.537.350.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		41.478.573.906	37.979.507.435
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	28.795.648.383	28.813.436.278
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.146.749.196	3.653.184.625
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	15.228.820.178	12.205.530.383
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.692.643.851)	(6.692.643.851)
140	IV. Hàng tồn kho	9	1.141.914.649	990.046.293
141	1. Hàng tồn kho		1.141.914.649	990.046.293
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.276.516.309	588.591.825
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2.272.837.819	588.591.825
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	3.678.490	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		280.991.686.945	287.137.772.896
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		57.000.000	75.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	57.000.000	75.000.000
220	II. Tài sản cố định		198.016.821.238	204.498.423.799
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	193.414.510.821	199.820.669.478
222	- Nguyên giá		458.329.766.947	457.546.672.026
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(264.915.256.126)	(257.726.002.548)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	4.602.310.417	4.677.754.321
228	- Nguyên giá		8.055.335.602	8.055.335.602
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.453.025.185)	(3.377.581.281)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	74.892.174.578	74.511.730.106
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		74.892.174.578	74.511.730.106
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	4.497.251.573	4.497.251.573
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4.497.251.573	4.497.251.573
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.528.439.556	3.555.367.418
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	3.528.439.556	3.555.367.418
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		361.858.590.565	365.073.390.433

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		98.350.119.467	100.439.608.981
310	I. Nợ ngắn hạn		31.710.781.479	26.190.760.351
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	4.597.692.394	3.798.414.550
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	116.023.042	131.050.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.726.378.095	740.169.951
314	4. Phải trả người lao động		1.119.868.047	1.155.179.501
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	85.126.432	4.511.816.378
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	257.729.850	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	7.699.479.196	6.445.645.548
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	14.100.000.000	9.400.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.484.423	8.484.423
330	II. Nợ dài hạn		66.639.337.988	74.248.848.630
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	29.022.016.460	27.231.527.102
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	37.617.321.528	47.017.321.528
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		263.508.471.098	264.633.781.452
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	263.508.471.098	264.633.781.452
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		275.281.179.597	275.281.179.597
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		275.281.179.597	275.281.179.597
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		646.231.180	646.231.180
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(12.418.939.679)	(11.293.629.325)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(11.293.629.325)	(13.934.657.835)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(1.125.310.354)	2.641.028.510
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		361.858.590.565	365.073.390.433


Thái Thị Mỹ Linh
Người lập

Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởngNguyễn Quốc Hưng
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 20 tháng 07 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	58.798.309.821	67.511.475.049
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		58.798.309.821	67.511.475.049
11	4. Giá vốn hàng bán	24	47.345.467.320	51.325.548.146
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.452.842.501	16.185.926.903
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	486.450.295	371.921.181
22	7. Chi phí tài chính	26	1.220.712.558	1.428.446.120
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.220.712.558	1.428.446.120
25	8. Chi phí bán hàng	27	393.432.260	487.772.438
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	11.975.403.602	13.269.426.981
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.650.255.624)	1.372.202.545
31	11. Thu nhập khác	29	620.431.365	3.565.696
32	12. Chi phí khác	30	95.486.095	8.082
40	13. Lợi nhuận khác		524.945.270	3.557.614
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.125.310.354)	1.375.760.159
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.125.310.354)	1.375.760.159
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	(41)	50


Thái Thị Mỹ Linh
Người lập


Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Hưng
Tổng Giám đốc



Cần Thơ, ngày 20 tháng 07 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(1.125.310.354)	1.375.760.159
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		7.264.697.482	7.472.186.271
03	- Các khoản dự phòng		-	326.000.000
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(486.450.295)	(371.921.181)
06	- Chi phí lãi vay		1.220.712.558	1.428.446.120
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6.873.649.391	10.230.471.369
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.481.066.471)	(3.770.250.871)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(151.868.356)	153.248.133
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.045.225.538	10.218.045.281
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.657.318.132)	(106.496.598)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.678.490)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.624.943.480	16.725.017.314
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(818.967.003)	(2.035.787.681)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.000.000.000)	(550.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		550.000.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		486.450.295	813.393.102
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.782.516.708)	(1.772.394.579)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(4.700.000.000)	(4.700.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.700.000.000)	(4.700.000.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(4.857.573.228)	10.252.622.735
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		27.840.121.984	12.510.512.474
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>22.982.548.756</u>	<u>22.763.135.209</u>



Thái Thị Mỹ Linh

Người lập

Cần Thơ, ngày 20 tháng 07 năm 2022



Lâm Trúc Sơn

Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Hưng

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 05 tháng 05 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 284.800.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 275.281.179.597 đồng; tương đương 27.528.118 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là: 166 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 169 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa đường bộ, bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho đông lạnh (kho ngoại quan) và kho khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển, viễn dương và vận tải đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, khai thuế hải quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong quý I 2022, Công ty vẫn còn chịu ảnh hưởng của dịch bệnh, nguồn hàng về cảng còn hạn chế. Sang quý II/2022, doanh thu có sự tăng nhẹ nhưng so với cùng kỳ năm ngoái vẫn giảm 10%. Nguyên nhân là do cùng kỳ 2021, Công ty có cho thuê phương tiện xếp dỡ công trình điện gió hiện nay các dự án trên đều ngừng hoạt động nên không phát sinh trong kỳ này.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng. Địa chỉ tại tỉnh Sóc Trăng; hoạt động kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 3 tháng đến 36 tháng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Vay

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh dịch vụ vận chuyển cảng và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	2.392.218.690	2.495.571.949
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.706.751.891	9.051.167.386
Các khoản tương đương tiền	11.883.578.175	16.293.382.649
	22.982.548.756	27.840.121.984

Tại ngày 30/06/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng được gửi tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam với lãi suất 2,9 %/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	12.987.350.000	-	10.537.350.000	-
	12.987.350.000	-	10.537.350.000	-

Tại thời điểm cuối kỳ và đầu kỳ, số dư chỉ tiêu "Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn" là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 đến 12 tháng gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong lãi suất từ 4,6% đến 5,6%/năm.

b) Đầu tư vào công ty liên doanh

Tại thời điểm cuối kỳ, số dư chỉ tiêu "Đầu tư vào công ty liên doanh" là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn có tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết là 50%. Công ty liên doanh được thành lập và hoạt động tại tỉnh Trà Vinh, hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Trường Sơn	1.311.551.525	(626.000.000)	1.511.551.525	(626.000.000)
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	2.574.666.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Phân bón dầu khí Cà Mau	4.796.224.208	-	-	-
Công ty TNHH Duyên Hải Star	1.458.426.901	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	18.654.779.749	(4.877.897.016)	27.301.884.753	(4.877.897.016)
	28.795.648.383	(5.503.897.016)	28.813.436.278	(5.503.897.016)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần giải pháp cảng và hậu cần	331.160.000	-	331.160.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH D2A Việt Nam tại Cần Thơ	318.399.796	-	318.399.796	-
Công ty TNHH Quân Đô	625.500.000	(625.500.000)	625.500.000	(625.500.000)
Công ty TNHH Duyên Hải Star	510.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	2.361.689.400	(278.000.000)	2.378.124.829	(278.000.000)
	4.146.749.196	(903.500.000)	3.653.184.625	(903.500.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu người lao động	284.319.040	-	-	-
Tạm ứng	4.006.283.085	-	5.090.710.475	-
Ký cược, ký quỹ	222.200.000	-	408.600.000	-
Dự thu khách hàng	2.690.646.135	-	772.431.567	-
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn (*)	4.232.185.443	-	4.332.185.443	-
Phải thu khác	3.793.186.475	(285.246.835)	1.601.602.898	(285.246.835)
	15.228.820.178	(285.246.835)	12.205.530.383	(285.246.835)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	-	-	18.000.000	-
Phải thu khác	57.000.000	-	57.000.000	-
	57.000.000	-	75.000.000	-

(*) Phải thu về cổ tức được chia của Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn.

c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan

	4.232.185.443	-	4.332.185.443	-
--	----------------------	----------	----------------------	----------

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

8 . NỢ XẤU

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Q&D	631.331.990	-	631.331.990	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà Phúc Cường	645.000.000	-	645.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy Sơn - HG	695.149.053	208.544.716	695.149.053	208.544.716
- Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu và đầu tư Trường Sơn	1.311.551.525	685.551.525	1.511.551.525	885.551.525
- Các khoản khác	4.874.194.181	570.486.657	4.874.194.181	570.486.657
	8.157.226.749	1.464.582.898	8.357.226.749	1.664.582.898

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	164.498.216	-	108.771.600	-
Công cụ, dụng cụ	285.490.162	-	285.490.162	-
Hàng hoá	691.926.271	-	595.784.531	-
	1.141.914.649	-	990.046.293	-

10 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
- Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I (*)	59.433.908.642	59.433.908.642
- Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II (**)	14.570.130.142	14.570.130.142
- Công trình khác	888.135.794	507.691.322
	74.892.174.578	74.511.730.106

(*) Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam;
- Mục đích xây dựng: San lấp mặt bằng 23,4ha, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 230.346.967.886 đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2002 đến năm 2011;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/06/2022: Dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác đối với phần diện tích 9,5 ha, đối với phần diện tích đất còn lại dự án mới thực hiện việc san lấp mặt bằng và xây dựng bờ kè, chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng cần thiết cho hoạt động của Cảng. Công ty đang chờ hoàn tất thủ tục pháp lý và huy động vốn để tiếp tục triển khai đầu tư khi có điều kiện.

() Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II**

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng phát triển Cảng Cái Cui với công suất từ 4,0 - 4,5 triệu tấn/ năm, tiếp nhận tàu trọng tải đến 20.000DWT, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 829.799.174.000 đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai: Từ năm 2009;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/06/2022: Dự án mới triển khai được việc san lấp mặt bằng và thực hiện được một số hạng mục nhỏ. Công ty đang chờ hoàn tất thủ tục pháp lý và huy động vốn để tiếp tục triển khai đầu tư khi có điều kiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	368.525.468.665	15.812.143.247	70.833.985.214	1.554.886.000	820.188.900	457.546.672.026
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	783.094.921	-	-	-	783.094.921
Số dư cuối kỳ	368.525.468.665	16.595.238.168	70.833.985.214	1.554.886.000	820.188.900	458.329.766.947
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	190.173.421.035	8.546.440.745	57.903.654.179	591.730.641	510.755.948	257.726.002.548
- Khấu hao trong kỳ	5.219.834.317	441.011.859	1.398.195.456	90.025.326	40.186.620	7.189.253.578
Số dư cuối kỳ	195.393.255.352	8.987.452.604	59.301.849.635	681.755.967	550.942.568	264.915.256.126
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	178.352.047.630	7.265.702.502	12.930.331.035	963.155.359	309.432.952	199.820.669.478
Tại ngày cuối kỳ	173.132.213.313	7.607.785.564	11.532.135.579	873.130.033	269.246.332	193.414.510.821

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 8.181.298.059 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 84.826.902.966 đồng.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.803.335.602	252.000.000	8.055.335.602
Số dư cuối kỳ	<u>7.803.335.602</u>	<u>252.000.000</u>	<u>8.055.335.602</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.125.581.281	252.000.000	3.377.581.281
- Khấu hao trong kỳ	75.443.904	-	75.443.904
Số dư cuối kỳ	<u>3.201.025.185</u>	<u>252.000.000</u>	<u>3.453.025.185</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	4.677.754.321	-	4.677.754.321
Tại ngày cuối kỳ	<u>4.602.310.417</u>	<u>-</u>	<u>4.602.310.417</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 252.000.000 đồng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	492.618.623	208.566.960
Chi phí sửa chữa tài sản	122.906.614	105.432.296
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.657.312.582	274.592.569
	<u>2.272.837.819</u>	<u>588.591.825</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.610.117.503	545.123.793
Chi phí sửa chữa tài sản	759.531.475	1.404.799.341
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.158.790.578	1.605.444.284
	<u>3.528.439.556</u>	<u>3.555.367.418</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	427.891.666	427.891.666	241.954.947	241.954.947
Công ty Cổ phần hàng hải SEVEN SEAS	396.955.000	396.955.000	-	-
Công ty TNHH Vận tải ST LOGISTICS	1.550.056.000	1.550.056.000	-	-
Công ty TNHH thương mại Hoàng Nam	805.380.000	805.380.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	1.417.409.728	1.417.409.728	3.556.459.603	3.556.459.603
	4.597.692.394	4.597.692.394	3.798.414.550	3.798.414.550

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	427.891.666	427.891.666	241.954.947	241.954.947
--	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)***15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Logistics An Hưng	52.950.000	-
Người mua trả tiền trước khác	63.073.042	131.050.000
	116.023.042	131.050.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		592.761.511		1.699.636.144		1.386.653.667		-		905.743.988	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		-		-		3.678.490		3.678.490		-	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		-		5.190.603		4.740.603		-		450.000	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		147.408.440		3.525.137.838		852.362.171		-		2.820.184.107	
Các loại thuế khác	-		-		109.783.351		109.783.351		-		-	
	-		740.169.951		5.339.747.936		2.357.218.282		3.678.490		3.726.378.095	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
- Trích trước chi phí thuế hạ tầng cơ sở tại Cảng Sóc Trăng	-		2.400.000.000	
- Trích trước phí thuế cầu	-		1.200.000.000	
- Chi phí phải trả khác	85.126.432		911.816.378	
	85.126.432		4.511.816.378	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Số dư chỉ tiêu "Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn" tại thời điểm cuối kỳ và đầu kỳ là doanh thu nhận trước cho thuê kho, văn phòng.

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	48.651.064	12.009.758
- Bảo hiểm xã hội	342.322.561	-
- Bảo hiểm y tế	61.419.911	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	16.041.322	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.316.676.704	1.610.415.594
- Phải trả Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam (*)	4.471.359.052	4.471.359.052
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	443.008.582	351.861.144
	<u>7.699.479.196</u>	<u>6.445.645.548</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.769.335.000	1.199.558.200
- Phải trả lãi vay Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (**)	7.229.163.358	6.008.450.800
- Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ - Vốn Ngân sách đầu tư (***)	20.023.518.102	20.023.518.102
	<u>29.022.016.460</u>	<u>27.231.527.102</u>

(*) Khoản phải trả Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam liên quan đến việc nhận bàn giao dự án "Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II".

(**) Khoản phải trả lãi vay Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam căn cứ Văn bản thỏa thuận về việc nhận nợ và hoàn trả tiền cho bên bảo lãnh. (Xem thông tin chi tiết khoản vay tại thuyết minh số 20)

(***) Khoản phải trả này là khoản nợ còn lại liên quan đến việc nhận bàn giao dự án "Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I".

Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

11.700.522.410**10.479.809.852**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thới, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

20 . VAY

	01/01/2022		Trong kỳ		30/06/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	9.400.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000	4.700.000.000	14.100.000.000	14.100.000.000
- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (*)	9.400.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000	4.700.000.000	14.100.000.000	14.100.000.000
	<u>9.400.000.000</u>	<u>9.400.000.000</u>	<u>9.400.000.000</u>	<u>4.700.000.000</u>	<u>14.100.000.000</u>	<u>14.100.000.000</u>
b) Vay dài hạn						
- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (*)	56.417.321.528	56.417.321.528	-	4.700.000.000	51.717.321.528	51.717.321.528
	<u>56.417.321.528</u>	<u>56.417.321.528</u>	<u>-</u>	<u>4.700.000.000</u>	<u>51.717.321.528</u>	<u>51.717.321.528</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(9.400.000.000)	(9.400.000.000)	(9.400.000.000)	(4.700.000.000)	(14.100.000.000)	(14.100.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>47.017.321.528</u>	<u>47.017.321.528</u>			<u>37.617.321.528</u>	<u>37.617.321.528</u>

(*) Căn cứ Văn bản thỏa thuận về việc nhận nợ và hoàn trả tiền cho bên bảo lãnh ngày 30/09/2019 ký với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, kèm theo các Văn bản nhận nợ số 01/2019 ngày 30/09/2019 và số 02/2019 ngày 30/12/2019, trong năm 2019, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã thanh toán hộ Công ty toàn bộ khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - chi nhánh Chương Dương, bao gồm nợ gốc là 56.416.677.596 VND và nợ lãi là 18.800.643.932 VND, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Bên cho vay: Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, là bên liên quan có mối quan hệ là Công ty mẹ;
- + Số tiền vay: 75.217.321.528 VND;
- + Mục đích vay: Vinalines bảo lãnh không hủy ngang cho các nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh từ Hợp đồng Cấp tín dụng dài hạn số 03/2009/HDDTDDH/NHTMCPCTCD-VINALINES ngày 27/10/2009. Khoản vay này để thanh toán các chi phí thực hiện bước 1 theo "Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cảng Cái Cui - giai đoạn II";
- + Thời hạn của hợp đồng: 8 năm;
- + Lãi suất cho vay: 4,5%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2022 là 51.717.321.528 VND, trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 14.100.000.000 VND;
- + Số dư nợ lãi vay tại thời điểm cuối kỳ là 7.229.163.358 VND (xem thuyết minh số 19);
- + Các biện pháp bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản và quyền đòi nợ của Cảng Cần Thơ với các hợp đồng kinh tế liên quan đến việc cho thuê kho, bãi, cầu cảng phát sinh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
		VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	275.281.179.597	646.231.180	(13.934.657.835)	261.992.752.942
Lãi trong kỳ trước		-	1.375.760.159	1.375.760.159
Số dư cuối kỳ trước	275.281.179.597	646.231.180	(12.558.897.676)	263.368.513.101
Số dư đầu năm nay	275.281.179.597	646.231.180	(11.293.629.325)	264.633.781.452
Lỗ trong kỳ này		-	(1.125.310.354)	(1.125.310.354)
Số dư cuối kỳ này	275.281.179.597	646.231.180	(12.418.939.679)	263.508.471.098

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	99,01%	272.566.179.597	99,01%	272.566.179.597
Các cổ đông khác	0,99%	2.715.000.000	0,99%	2.715.000.000
	100%	275.281.179.597	100%	275.281.179.597

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	275.281.179.597	275.281.179.597
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	275.281.179.597	275.281.179.597
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	275.281.179.597	275.281.179.597

d) Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	27.528.118	27.528.118
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.528.118	27.528.118
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.528.118	27.528.118
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	646.231.180	646.231.180
	646.231.180	646.231.180

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với UBND Thành phố Cần Thơ với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Cụ thể như sau:

STT	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	Số 2 Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ	218.624 m ²	50 năm từ ngày 16/8/2007 đến ngày 16/8/2057
2	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	29.342 m ²	42 năm 4 tháng từ ngày 07/9/2007 đến ngày 13/12/2049
3	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	28.764,1 m ²	30 năm từ ngày 22/7/1997 đến ngày 22/7/2027
4	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	3.729,4 m ²	50 năm từ ngày 22/01/2009 đến ngày 22/01/2059

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.722,32	1.728,92

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	7.999.331.190	6.980.203.037
Doanh thu cung cấp dịch vụ	50.798.978.631	60.531.272.012
	58.798.309.821	67.511.475.049
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)	193.788.000	135.615.700

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	7.711.510.326	6.403.886.699
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	39.633.956.994	44.921.661.447
	47.345.467.320	51.325.548.146

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	486.450.295	371.921.181
	486.450.295	371.921.181

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.220.712.558	1.428.446.120
	1.220.712.558	1.428.446.120
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính trả cho các bên liên quan	1.220.712.558	1.428.446.120

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.120.000	-
Chi phí nhân công	245.349.422	334.049.646
Chi phí khấu hao tài sản cố định	96.244.632	85.822.983
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.980.707	38.172.734
Chi phí khác bằng tiền	11.737.499	29.727.075
	393.432.260	487.772.438

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	480.086.249	352.217.939
Chi phí nhân công	7.451.441.375	8.139.424.501
Chi phí khấu hao tài sản cố định	307.655.940	288.792.259
Thuế, phí, lệ phí	88.382.413	65.215.983
Chi phí dự phòng	-	326.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.555.186.923	1.615.121.214
Chi phí khác bằng tiền	2.092.650.702	2.482.655.085
	11.975.403.602	13.269.426.981

29 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Tiền phạt thu được	462.962.963	-
Thu nhập khác	157.468.402	3.565.696
	620.431.365	3.565.696

30 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí khác	95.486.095	8.082
	95.486.095	8.082

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.125.310.354)	1.375.760.159
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(1.375.760.159)
- <i>Chuyển lỗ các năm trước</i>	-	(1.375.760.159)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(1.125.310.354)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(1.125.310.354)	1.375.760.159
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(1.125.310.354)	1.375.760.159
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	27.528.118	27.528.118
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(41)	50

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.787.865.471	3.749.102.455
Chi phí nhân công	16.100.768.032	22.139.557.312
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.264.697.482	7.472.186.271
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.505.821.344	17.482.958.106
Chi phí khác bằng tiền	3.343.640.527	7.509.056.722
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	52.002.792.856	58.352.860.866

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.982.548.756	-	27.840.121.984	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	44.081.468.561	(6.692.643.851)	41.093.966.661	(6.692.643.851)
Các khoản cho vay	12.987.350.000	-	10.537.350.000	-
	80.051.367.317	(6.692.643.851)	79.471.438.645	(6.692.643.851)
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			51.717.321.528	56.417.321.528
Phải trả người bán, phải trả khác			41.319.188.050	37.475.587.200
Chi phí phải trả			85.126.432	4.511.816.378
			93.121.636.010	98.404.725.106

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.982.548.756	-	-	22.982.548.756
Phải thu khách hàng, phải thu khác	37.388.824.710	-	-	37.388.824.710
Các khoản cho vay	12.987.350.000	-	-	12.987.350.000
	73.358.723.466	-	-	73.358.723.466
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.840.121.984	-	-	27.840.121.984
Phải thu khách hàng, phải thu khác	34.401.322.810	-	-	34.401.322.810
Các khoản cho vay	10.537.350.000	-	-	10.537.350.000
	72.778.794.794	-	-	72.778.794.794

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Vay và nợ	51.717.321.528	-	-	51.717.321.528
Phải trả người bán, phải trả khác	41.319.188.050	-	-	41.319.188.050
Chi phí phải trả	85.126.432	-	-	85.126.432
	<u>93.121.636.010</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>93.121.636.010</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	56.417.321.528	-	-	56.417.321.528
Phải trả người bán, phải trả khác	37.475.587.200	-	-	37.475.587.200
Chi phí phải trả	4.511.816.378	-	-	4.511.816.378
	<u>98.404.725.106</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>98.404.725.106</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . THÔNG TIN KHÁC

Tính đến thời điểm 30/06/2022, vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 284,8 tỷ VND, tuy nhiên vốn thực góp chỉ có 275,3 tỷ VND. Vào ngày 04/11/2021, Công ty đã gửi công văn số 490/CCT-TCNS tới Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn điều chỉnh giảm vốn điều lệ của Doanh nghiệp. Theo công văn số 14966/BTC-TCND về việc hướng dẫn điều chỉnh giảm vốn điều lệ của doanh nghiệp ngày 29/12/2021, Bộ Tài chính có yêu cầu Cảng Cần Thơ và phía Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tổ chức kiểm tra làm rõ, xác định nguyên nhân và tiến hành rà soát, xác định lại việc chậm quyết toán, qua đó, phía Cảng Cần Thơ và Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam vẫn đang trong quá trình làm việc nên chưa đưa ra biện pháp xử lý vấn đề này.

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	Công ty liên doanh
Ông Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Bá	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Phạm Bá Ngân	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Hoàng Việt	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Phương	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông Tạ Khả Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 20.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	193.788.000	135.615.700
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	193.788.000	135.615.700
Lãi vay	1.220.712.558	1.428.446.120
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	1.220.712.558	1.428.446.120
Mua hàng	1.146.014.152	-
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	1.146.014.152	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu khác	4.232.185.443	4.332.185.443
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	4.232.185.443	4.332.185.443
Phải trả người bán ngắn hạn	427.891.666	241.954.947
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	427.891.666	241.954.947
Phải trả khác	11.700.522.410	10.479.809.852
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	11.700.522.410	10.479.809.852

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2022	2021
	VND	VND
Thu nhập của Ông Lâm Tiến Dũng	124.800.000	124.800.000
Thu nhập của Ông Nguyễn Văn Bá	70.400.000	105.600.000
Thu nhập của Ông Nguyễn Văn Phương	76.800.000	115.200.000
Thu nhập của Ông Tạ Khả Duy	96.000.000	96.000.000
Thu nhập của Ông Nguyễn Quốc Hưng	38.400.000	-
Thu nhập của Ông Nguyễn Mạnh Hà	80.000.000	-
Thu nhập của Ông Lê Tiến Công	96.000.000	96.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 . Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán và soát xét.



Thái Thị Mỹ Linh
Người lập

Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Hưng
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 20 tháng 07 năm 2022

